TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2023/HS-ST
Ngày 27 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quang Thái
2. Bà Lê Thị Bích Thuần

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Đức Hậu - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Kiều Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 210/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên **Lê Văn H,** sinh ngày 09 tháng 3 năm 1990 tại xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Không xác định, con bà: bà Lê Thị T, sinh năm 1967; vợ: Đặng Thị L, sinh năm 2001, con: 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn I, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 08/2023, Lê Văn H cho các anh Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn I vay tiền với lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, 01 tháng tính là 30 ngày, tương đương với mức lãi suất là 146%/năm để thu lời bất chính, cụ thể như sau:

1. Ngày 13/12/2021, H cho anh Nguyễn Hoàng D vay 15.000.000 đồng và thỏa thuận anh D phải trả lãi vào ngày 13 hàng tháng cho H và để lại tờ rời Sổ Bảo hiểm xã hội của anh D cho H giữ. Sau khi anh D viết giấy vay tiền và ký tên vào mẫu giấy vay tiền có tiêu đề GIẤY CẦM ĐỒ KIÊM NHẬN NỢ mà H có sẵn rồi đưa cho H cầm thì H đưa cho anh D số tiền 15.000.000 đồng. Từ ngày 13/12/2021 đến ngày 13/08/2023, anh D đã trả lãi bằng tiền mặt cho H 20 tháng với tổng số tiền lãi là 36.000.000 đồng.

2. Ngày 27/12/2021, H cho anh Nguyễn Văn I vay 10.000.000 đồng và thỏa thuận anh I phải trả lãi vào ngày 27 hàng tháng cho H và để lại tờ rời Sổ Bảo hiểm xã hội của anh I cho H giữ. Sau khi anh I viết giấy vay tiền và ký tên vào mẫu giấy vay tiền có tiêu đề GIẤY CẦM ĐỒ KIÊM NHẬN NỢ mà H có sẵn rồi đưa cho H cầm thì H đưa cho anh I số tiền 10.000.000 đồng. Từ ngày 27/12/2021 đến hết 27/05/2023, anh I đã trả lãi bằng tiền mặt cho H 17 tháng với tổng số tiền lãi là 20.400.000 đồng. Đầu tháng 06/2023, anh I đề nghị không trả tiền lãi cho H nữa thì H đồng ý và anh I đã trả cho H 4.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 6.000.000 đồng đến nay chưa trả cho H.

Do không có tiền để tiếp tục trả lãi và bị H nhiều lần đòi nợ nên ngày 30/8/2023 các anh Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn I đã làm đơn trình báo việc H cho vay lãi nặng đến Công an huyện B. Sau khi được cơ quan điều tra Công an huyện B triệu tập, ngày 31/8/2023, H đến Công an huyện B làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

- Khám xét khẩn cấp, tài liệu đồ vật thu giữ:

Ngày 31/8/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện B ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Văn H ở thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, kết quả thu giữ được trong tủ quần áo và két sắt tại nhà Hải các đồ vật, tài liệu gồm:

+ 02 tờ giấy A4 ghi tiêu đề GIẤY CẦM ĐỒ KIÊM NHẬN NỢ mà H ký với anh D và anh I;

+ 02 tệp Giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm 2020 và quá trình đóng bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn I;

+ 10 tờ giấy A4 ghi tiêu đề GIẤY CẦM ĐỒ KIÊM NHẬN NỢ chưa điền thông tin;

+ Số tiền 38.500.000 đồng (gồm 77 tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng)

Quá trình điều tra xác định:

Đối với khoản vay 15.000.000 đồng anh Nguyễn Hoàng D vay, H đã thu tiền lãi là 36.000.000 đồng, trong đó khoản tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 5.000.000 đồng, tiền lãi thu lời bất chính là 31.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng anh Nguyễn Văn I vay, H đã thu tiền lãi là 20.400.000 đồng, trong đó khoản tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 2.833.000 đồng, tiền lãi thu lời bất chính là 17.567.000 đồng.

Như vậy, tổng số H đã cho các anh Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn I vay là 25.000.000 đồng, tổng số tiền lãi thực tế Lê Văn H đã thu được là 56.400.000 đồng, trong đó khoản tiền lãi theo mức lãi suất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 7.833.000 đồng, khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20% là 48.567.000 đồng.

Cáo trạng số: 217/CT-VKSBX ngày 10 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Lê Văn H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo H số tiền từ 05% đến 10% một tháng trên mức thu nhập trung bình tại địa phương trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo. Đồng thời đề xuất về xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Văn H thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng D và anh Nguyễn Văn I vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra đều xác nhận về việc vay tiền với lãi suất cao như bị cáo H trình bày là đúng, các anh đề nghị được nhận lại các tệp Giấy xác nhận bảo hiểm xã hội và đề nghị H phải trả cho các anh số tiền 31.000.000 đồng và 17.567.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T có mặt tại phiên tòa xác nhận số tiền 38.500.000 đồng bị tạm giữ là tài sản hợp pháp của bà, đầu tháng 8/2023 bà gửi H cất giữ giúp, bà xin được nhận lại số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Bị cáo H khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến ngày 31/8/2023, Lê Văn H cho các anh Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn I vay tổng số tiền 25.000.000 đồng với lãi xuất 146%/năm gấp hơn 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, H đã thu được tổng số tiền lãi là 56.400.000 đồng, trong đó tiền lãi cao nhất theo quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm) là 7.833.000 đồng, khoản tiền thu lời bất chính (lãi vượt quá 20%/ năm) là 48.567.000 đồng.

Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận Lê Văn H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự, nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi xuất gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000đồng đến dưới 100.000.000 đồng... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm"...

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của nhà nước, làm lũng loạn chính sách tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa

có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Khi chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì người bị kết án cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Hội đồng xét xử thấy: Qua xác minh tại địa phương nơi bị cáo cư trú thì thu nhập bình quân của mỗi người là 5.216.000đồng/tháng nên tính bình quân thu nhập của người dân địa phương nơi bị cáo cư trú để tính khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo là 5%/tháng (5.216.000đồngx5%=260.000 đồng/tháng) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa làm rõ bị cáo hiện không có nghề nghiệp gì, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan:

Đối với 02 tờ giấy A4 ghi tiêu đề GIẤY CẦM ĐỒ KIÊM NHẬN NỢ mà H ký với anh D, anh I và 10 tờ giấy A4 ghi tiêu đề GIẤY CẦM ĐỒ KIÊM NHẬN NỢ chưa điền thông tin thu giữ tại nhà H xác định là tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của H nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 02 tệp Giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm 2020 và quá trình đóng bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn I, quá trình điều tra xác định là giấy tờ cá nhân của anh D và anh I, Cơ quan điều tra đã chuyển cùng hồ sơ vụ án nên cần trả lại cho anh Nguyễn Hoàng D và anh Nguyễn Văn I.

Đối với số tiền 38.500.000 đồng (gồm 77 tờ tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng) thu giữ tại nhà H xác định là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị T (mẹ đẻ của Hải), đầu tháng 8/2023 bà T gửi H cất giữ giúp nên cần trả lại cho bà T.

Đối với khoản tiền 25.000.000 đồng (tiền gốc) H cho các anh Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn I vay xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, đến nay anh I mới trả cho H 4.000.000 đồng, anh I còn nợ Hải 6.000.000 đồng, anh D chưa trả cho H nên cần truy thu của anh I 6.000.000 đồng, anh D 15.000.000 đồng, bị cáo H 4.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 7.833.000 đồng tương ứng với mức lãi xuất 20%/ năm là khoản tiền phát sinh từ tội phạm mà H thu được từ những người cho vay nên cần truy thu của H để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 48.567.000 đồng là khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20% là tiền H thu lời bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng, những người vay không sử dụng các khoản vay này vào mục đích bất hợp pháp nên cần trả lại cho anh D và anh I. Do đó, cần buộc H phải trả cho anh D 31.000.000 đồng, anh I là 17.567.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H **09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lê Văn H cho Uỷ ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã S, huyện B trong việc giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo Lê Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo H với số tiền là 260.000đ (*Hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 210/2023/LCĐKNCT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Lê Thị T 01 phong bì tiền Việt Nam đồng số tiền 38.500.000đ (*Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*) được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B niêm phong theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ lập ngày 31/8/2023. (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh

Phúc).

Trả lại cho anh Nguyễn Hoàng D và anh Nguyễn Văn I 02 tệp Giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội năm 2020 và quá trình đóng bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Hoàng D và Nguyễn Văn I. (Kèm theo hồ sơ vụ án). Truy thu của anh Nguyễn Văn I số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), của anh Nguyễn Hoàng D số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu của bị cáo Lê Văn H 4.000.000đ và 7.833.000đ, tổng số tiền là 11.833.000đ (*Mười một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước. Buộc Lê Văn H phải trả cho anh Nguyễn Hoàng D số tiền 31.000.000đ (*Ba mươi mốt triệu đồng*), anh Nguyễn Văn I là 17.567.000đ (*Mười bảy triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện B;
- CQĐT - CA huyện B;
- CQCSTHAHS-CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã S;
- Lưu HS, VP, THAHS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 25 phút ngày 30 tháng 11 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Lợi

Bà Trương Thị Hương Nghĩa

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1995; trú tại: Thôn Tự Do, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp; Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang Dũng phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Dũng 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 01 năm 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo Dũng với số tiền là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Quang Dũng cho Uỷ ban nhân dân xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Quang Dũng thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự;

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) sung quỹ nhà nước;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Các vấn đề khác: Truy thu, buộc anh Nguyễn Văn Tuấn nộp lại số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); buộc chị Trần Thị Dạ Hương nộp lại số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Quang Dũng số tiền 1.578.000đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Quang Dũng phải trả lại cho anh Nguyễn Văn Tuấn số tiền 8.975.400đ (Tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm đồng), trả cho chị Trần Thị Dạ Hương 966.600đ (Chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng) tiền lãi mà anh Tuấn, chị Hương trả cho Dũng vượt quá mức cho phép của pháp luật.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.479.400đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm đồng) (Trong số tiền 40.000.000đồng cơ quan điều tra tạm giữ ngày 26 tháng 3 năm 2021).

Trả lại cho anh Tuấn số tiền 34.520.600đ (Ba mươi tư triệu năm trăm hai mươi nghìn sáu trăm đồng) (Trong số tiền 40.000.000đồng cơ quan điều tra thu giữ ngày 26 tháng 3 năm 2021) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại anh Nguyễn Văn Phương 01 con dấu chụp màu đỏ mang tên Công ty TNHH kinh doanh thương mại tài chính Đại Thắng và 01 con dấu tên Giám đốc Nguyễn Văn Phương.

Tịch thu phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax của Nguyễn Quang Dũng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang Dũng 02 hợp đồng vay tiền của anh Trần Như Mạnh và anh Nguyễn Văn Thiệu; 02 ống tuýt sắt và số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nhưng tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B lập ngày 12 tháng 10 năm 2021).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Quang Dũng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là hợp pháp;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 45 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Quang Dũng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 107/2021/QĐ-TA	B, ngày 01 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phân công Thẩm phán giải quyết, xét xử vụ án hình sự

CHÁNH ÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Căn cứ vào Điều 44, Điều 45 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Phân công: Bà Phùng Thị Tố Uyên – Chức danh: Thẩm phán

Tiến hành giải quyết, xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 đối với bị can Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1995; trú tại: Thôn Tự Do, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Điều 2

Bà Phùng Thị Tố Uyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này để bảo đảm việc giải quyết, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Bị can và những người tham gia tố tụng;
- Thẩm phán XX;
- Lưu HS vụ án.

CHÁNH ÁN

Hoàng Văn Sỹ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH VĨNH PHÚC

Số: 107/2021/QĐ-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

B, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phân công thư ký

CHÁNH ÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Căn cứ vào Điều 44 và Điều 47 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Phân công Thư ký: Bà Bùi Thị Hà và bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Chức danh: Thư ký Toà án nhân dân huyện B;

Tiến hành tố tụng vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1995; trú tại: Thôn Tự Do, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Điều 2

Ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này để bảo đảm việc giải quyết, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Thư ký;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án.

CHÁNH ÁN

Hoàng Văn Sỹ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH VĨNH PHÚC

Số: 107/2021/QĐ-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

B, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phân công Hội thẩm giải quyết, xét xử vụ án hình sự

CHÁNH ÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Căn cứ vào Điều 44 và Điều 46 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Phân công Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Thái và bà Lê Thị Bích Thuần

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Nguyễn Văn Hảo, ông Trần Văn Huấn, ông Dương Văn Điệp, ông Nguyễn Hải Nam, bà Trương Thị Hương Nghĩa, bà Trần Thị Năm, ông Nguyễn Hữu Lợi, bà Trần Thị Thu Trang, bà Nguyễn Quỳnh Liên, bà Lưu Thị Lan Hương, bà Vũ Thị Phương, bà Lưu Thị Thúy, ông Nguyễn Hữu Thuần.

Là Hội thẩm nhân dân huyện B tiến hành giải quyết, xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1995; trú tại: Thôn Tự Do, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Điều 2

Ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này để bảo đảm việc giải quyết, xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hội thẩm;
- Lưu HS vụ án.

CHÁNH ÁN

Hoàng Văn Sỹ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/HSST-QĐ

B, ngày 01 tháng 10 năm 2021

LỆNH CẤM ĐI KHỎI NƠI CƯ TRÚ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ các Điều 45, 109, 123, 277 và 278 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021;

Xét thấy cần áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án,

RA LỆNH:

Điều 1: Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị can: Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1995; trú tại: Thôn Tự Do, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Bị can không được phép đi khỏi nơi cư trú tại địa bàn huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 cho đến khi có quyết định khác thay thế.

Điều 2: Giao bị can Nguyễn Quang Dũng cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, theo dõi.

Khi chưa được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc và giấy phép của Tòa án nhân dân huyện B thì bị can

không được đi khỏi nơi cư trú quy định tại Điều 2 Lệnh này. Nếu bị can vi phạm nghĩa vụ cam đoan khi áp dụng Lệnh này thì sẽ bị áp dụng biện pháp tạm giam./.

Nơi nhận:
- VKS huyện B;
- Bị can;
- UBND xã nơi bị can cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phùng Thị Tố Uyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/2021/HSST- QĐ

B, ngày 29 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ vào các Điều 45, 255 và 277 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo: Nguyễn Quang Dũng, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1995; trú tại: Thôn Tự Do, xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Thời gian mở phiên tòa: **07** giờ **30** phút, ngày **10** tháng **11** năm **2021**.

Địa điểm mở phiên tòa: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vụ án được xét xử công khai.

Điều 2

1. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Thái và bà Lê Thị Bích Thuần

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Nguyễn Văn Hảo, ông Trần Văn Huấn, ông Dương Văn Điệp, ông Nguyễn Hải Nam, bà Trương Thị Hương Nghĩa, bà Trần Thị Năm, ông Nguyễn Hữu Lợi, bà Trần Thị Thu Trang, bà Nguyễn Quỳnh Liên, bà Lưu Thị Lan Hương, bà Vũ Thị Phương, bà Lưu Thị Thúy, ông Nguyễn Hữu Thuần.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Cán bộ Toà án nhân dân huyện B.

Thư ký phiên tòa dự khuyết: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

2. Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1985; trú tại: Thanh Giã 1, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Chị Trần Thị Dạ Hương, sinh năm 1985; trú tại: Tổ dân phố Kim Phượng, thị trấn Hương Canh, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc

Công ty TNHH Thiên Đức

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quốc Tuấn, sinh năm 1972; trú tại: Xóm Gẩy, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Anh Nguyễn Văn Phương, sinh năm 1985; trú tại: thôn Yên Tâm, xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên toà: Không.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Thị Tố Uyên

BẢNG KÊ TÀI LIỆU

Vụ án hình sự thụ lý số: 74/2018/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2018

Phần tài liệu của Tòa án:

STT	TÊN TÀI LIỆU	BÚT LỤC	GHI CHÚ
01	Biên bản bàn giao hồ sơ giữa Viện kiểm sát và Tòa án	140	
02	Quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, HTND	141 - 143	
03	Công văn gửi đoàn luật sư, giấy giới thiệu, công văn của đoàn luật sư, chứng chỉ hành nghề luật sư, giấy chứng nhận bào chữa.	144 - 148	
42	Quyết định đưa vụ án ra xét xử, biên bản giao	149 - 150	

	Quyết định		
05	Đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn đề nghị xét xử vắng mặt	151 - 153	
06	Bản án, Biên bản nghị án, Biên bản phiên tòa, Biên bản tống đạt.	154 - 168	

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 150.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; người đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên

Điều 15. Chuyển hướng xe

1. Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.
2. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ,

nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác.

3. Trong khu dân cư, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng chỉ được quay đầu xe ở nơi đường giao nhau và nơi có biển báo cho phép quay đầu xe.

4. Không được quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, trong hầm đường bộ, đường cao tốc, tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 31 tháng 3 năm 2020 sau khi vụ tai nạn xảy ra Nguyễn Quang Dũng, ông Hoàng Văn Sáu cùng gia đình bị hại đã thỏa thuận thỏa thuận thống nhất bồi thường số tiền 58.000.000 đồng cho gia đình bị hại gồm các khoản chi phí mai táng phí, tổn thất tinh thần (trong đó số tiền của ông Sáu là 12.500.000 đồng, số tiền của Kiên là 35.500.000 đồng). Đại diện của gia đình bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu Kiên phải bồi thường gì thêm về phần dân sự.